

Số: 108/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 12 - 2024.

“Về tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;

2. Ông Mai Văn Tài.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:** Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 333/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 2002; địa chỉ cư trú: Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Đào Văn Q, sinh năm: 1991; địa chỉ cư trú: Tổ H, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

(*Tại phiên tòa có mặt bà D, vắng mặt ông Q.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/9/2024 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Q được hình thành là do tự tìm hiểu và chung sống nhau vào năm 2021, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện T, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29/7/2022. Cuộc sống chung hạnh phúc kéo dài đến tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Q lười lao động, thường xuyên tụ tập ăn nhậu, tham gia cờ bạc gây nhiều nợ, buộc một mình bà quán xuyến chăm sóc 02 con chung, nên vợ chồng xảy ra gây cãi và khi gây cãi thì ông Q dùng lời lẽ xúc phạm và đánh bà, nên bà không chịu đựng được nữa dẫn đến ly thân nhau gần 02 năm. Từ khi ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông Q.

Về quan hệ con chung: Bà với ông Q có 02 con chung tên: 1/ Đào Quốc H, sinh ngày 23/3/2021; 2/ Đào Quốc Đ, sinh ngày 05/5/2022, hiện do bà trực tiếp nuôi. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông Q không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông Q không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Đào Văn Q để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà D bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông Q đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà D – ông Q chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông Q chỉ lo ăn chơi, cờ bạc gây nợ kiếm chuyện đánh bà, bà khuyên ngăn nhưng ông không thay đổi nên ly thân nhau, gia đình có hàn gắn không thành, nên bà D xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Đào Quốc H và Đào Quốc Đ, hiện còn nhỏ do bà D nuôi, đề nghị chấp nhận giao cho bà D tiếp tục nuôi 02 con chung; về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà D khởi kiện ly hôn với ông Q, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Q có địa chỉ cư trú tại huyện T, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông Q được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông Q theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D – ông Q kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2021, hôn nhân có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80 ngày 29/7/2022, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà D bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông Q lười lao động, thường xuyên tụ tập ăn nhậu, tham gia cờ bạc gây nhiều nợ...gây cãi và ông Q đánh bà, dẫn đến ly thân nhau gần 02 năm nay, gia đình có hàn gắn nhưng không thành...

Qua trình bày của bà D, mặc dù ông Q vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào ngày 25/11/2024 của Tòa án thể hiện: Hôn nhân giữa bà D – ông Q là do tự tìm hiểu, quá trình chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì Q thường bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, do vợ chồng gây cãi, cha mẹ cấu gắt, sui gia có lời lẽ xúc phạm..., nên khả năng hàn gắn là không thể...

Với chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa bà D – ông Q không chỉ trong phạm vi giữa hai người mà còn ảnh hưởng đến hai bên gia đình, nên khả năng hàn

gắn lại là không thể, tại Tòa bà D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Q là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét 02 cháu Đào Quốc H và Đào Quốc Đ, từ khi cha mẹ ly thân nhau đến nay 02 cháu do bà D nuôi, tình cảm giữa 02 cháu H, Đ với bà D thật sự gắn bó, để không xáo trộn về tâm sinh lý của hai cháu cũng như để hai cháu phát triển tốt về sau, HĐXX giao 02 cháu H, Đ cho bà D tiếp tục nuôi.

HĐXX cũng giải thích cho bà D biết: Trong thời gian nuôi con, bà D cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà D không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà D khai bà với ông Q không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do ông Q vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này ông Q có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, có nợ chung và ông Q có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Đào Văn Q.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị D được tiếp tục nuôi 02 con chung: 1/ Đào Quốc H, sinh ngày 23/3/2021; 2/ Đào Quốc Đ, sinh ngày 05/5/2022;

Công nhận tự nguyện của bà D không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà D cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012755 ngày 17/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (bà D nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/12/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS đề thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- vp.

Lê Văn Huệ